

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung

2. Ông Nguyễn Phước Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2021/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 27 đường H, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh Kha, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 27 đường, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà Vancó đơn xin xét xử vắng mặt, ông Kha vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà A trình bày: bà và ông B chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tình cảm lẫn kinh tế. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông B, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: bà và ông B có 02 con chung tên là C, sinh ngày 24/9/2003 đã thành niên và D, sinh ngày 05/9/2008 chưa thành niên. Hiện con chung D đang sống với bà A. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung D, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông B vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà A, cho bà A ly hôn với ông B, giao con chung D, sinh ngày 05/9/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Vào ngày 10/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện bà A xin ly hôn với ông Huỳnh Minh Kha, sinh năm 1982 có địa chỉ: số 27 đường H, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông B đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà A cho là vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà A và ông B nhưng địa phương không nắm rõ. Bị đơn ông B vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Như vậy, có cơ sở xác định ông B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà A nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà A

và ông B không còn, tình trạng vợ chồng giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vân là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con chung: bà A xác định vợ chồng có 02 con chung tên C, sinh ngày 24/9/2003 và D, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn, bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung D, sinh ngày 05/9/2008, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B không có lời trình bày thể hiện nguyện vọng nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung D, sinh ngày 05/9/2008 hiện đang sống chung với bà A và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà A nên Hội đồng xét xử giao con chung D, sinh ngày 05/9/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Bà A và ông B có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về chia tài sản và chia nợ: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: bà Vân phải chịu án phí ly hôn 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, cho bà A ly hôn với ông B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên D, sinh ngày 05/9/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi

con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, chia nợ: Bản án không đề cập đến.

4. Về án phí: bà A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chuyển 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005148 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thảo

